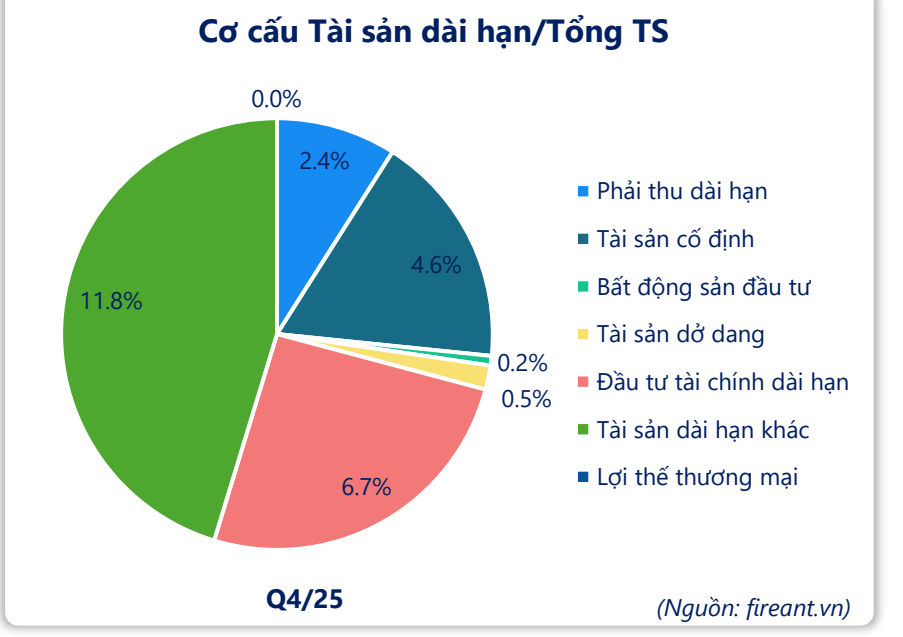
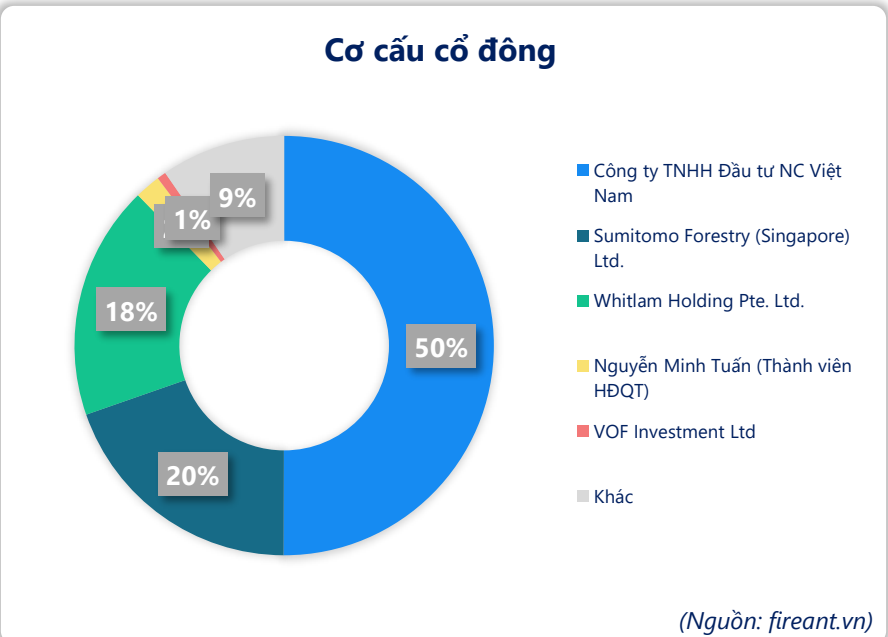
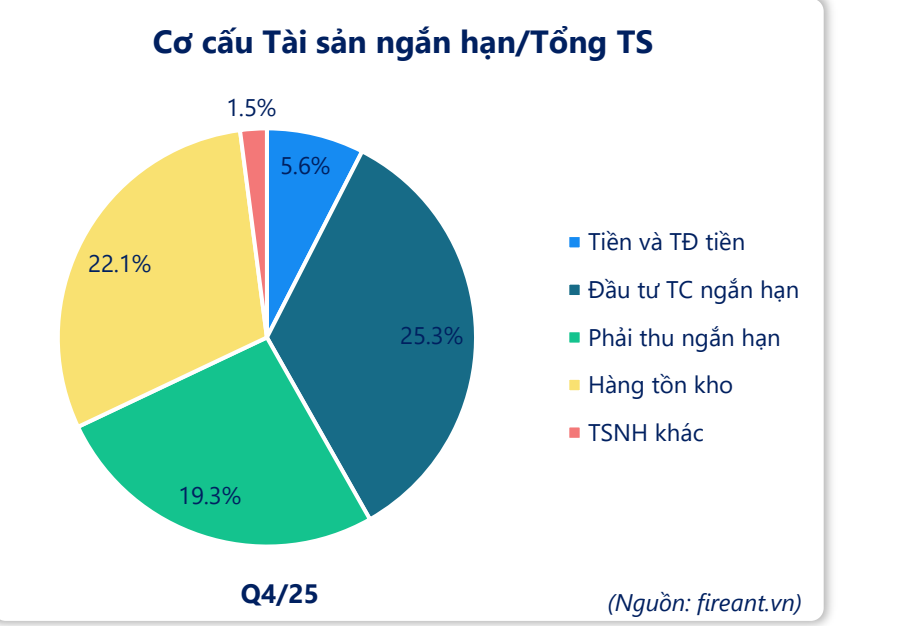
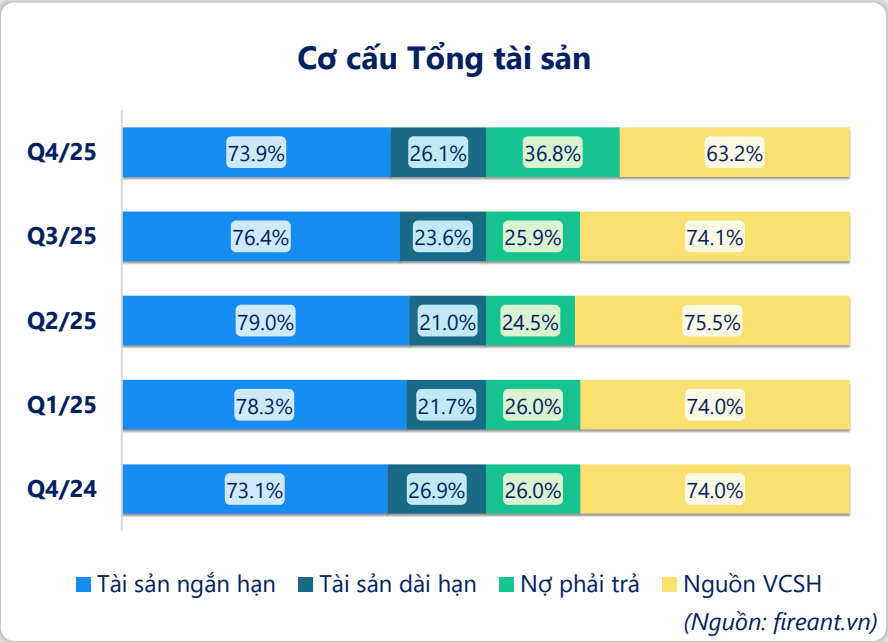
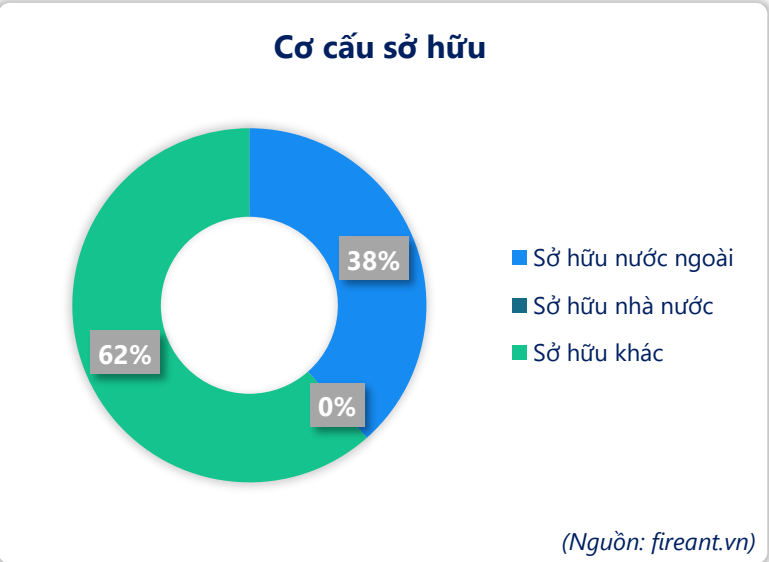
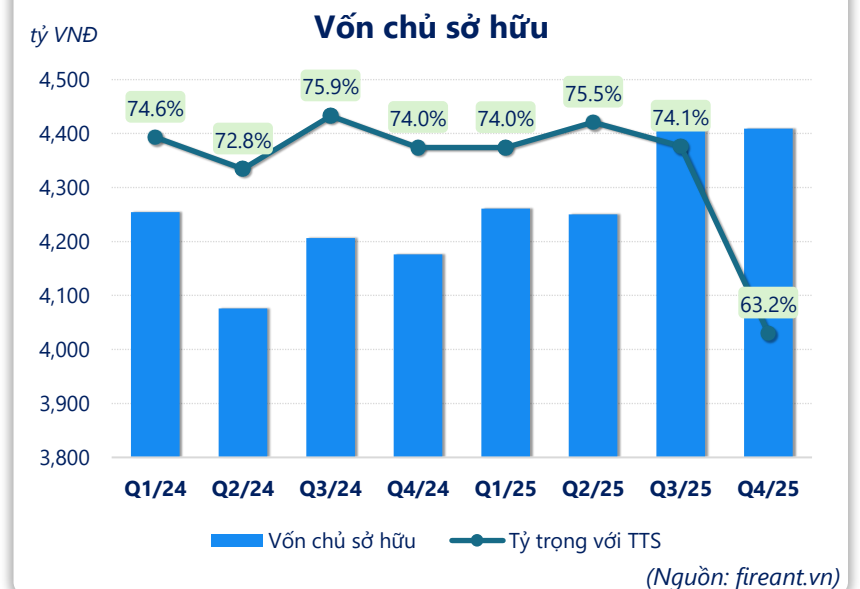
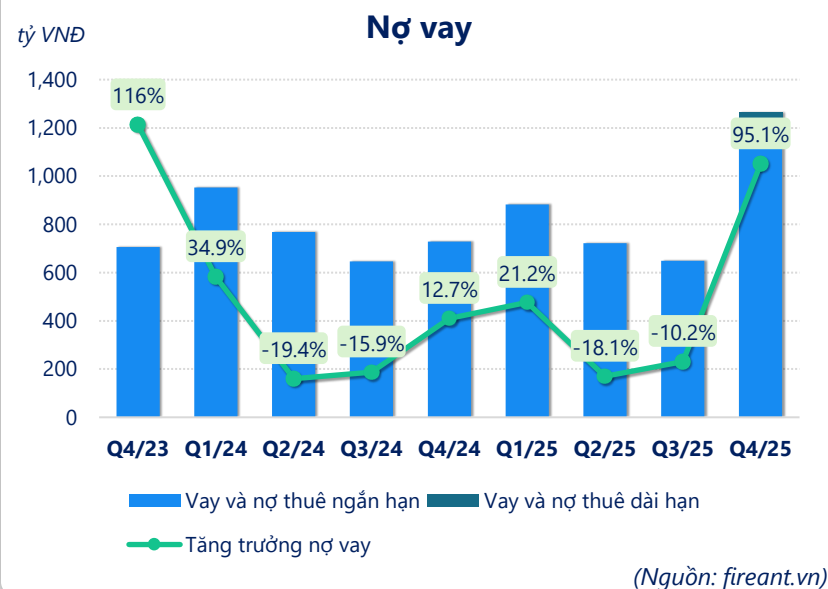
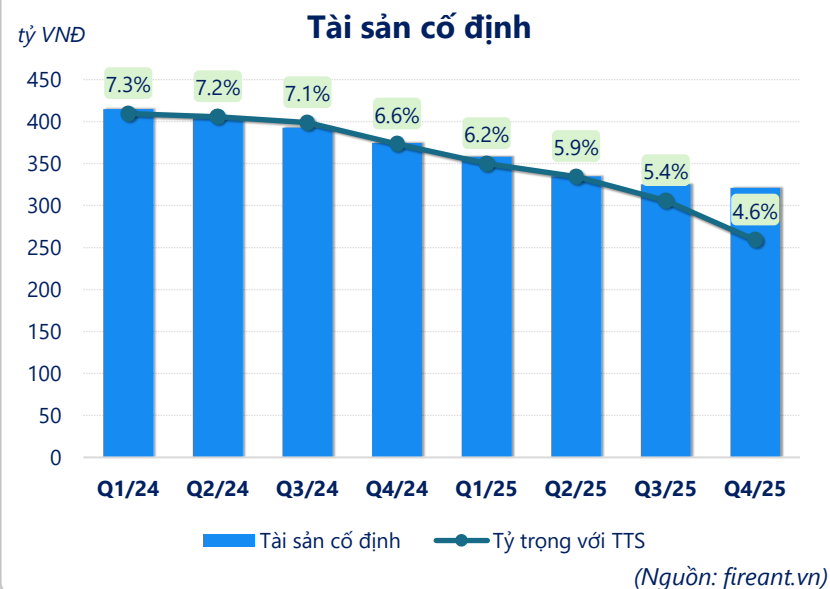
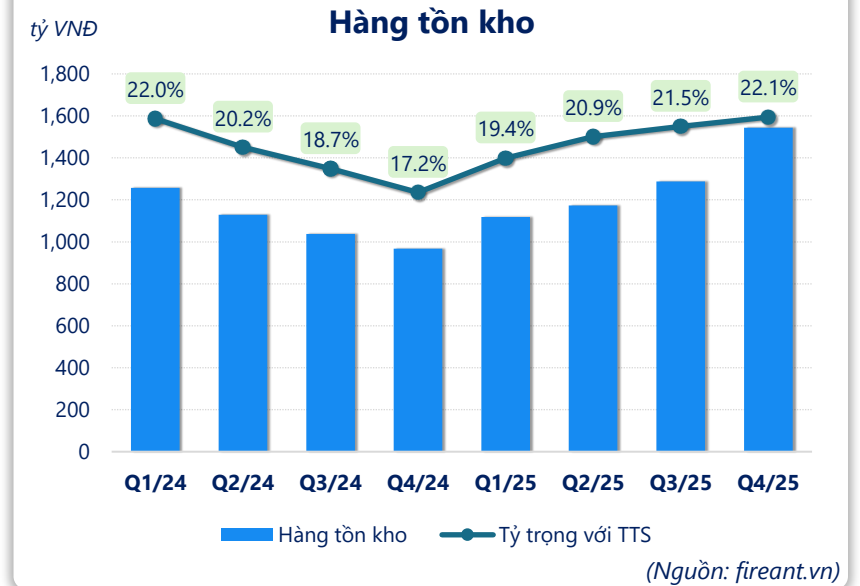
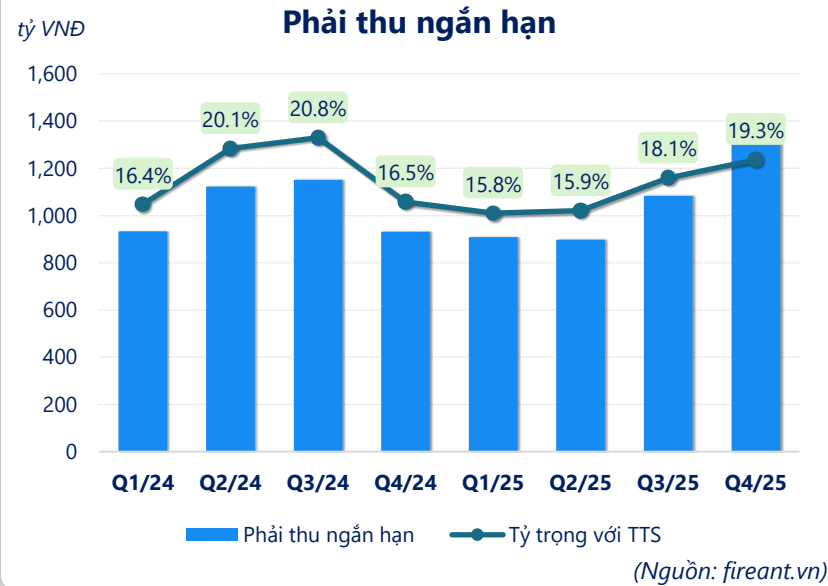
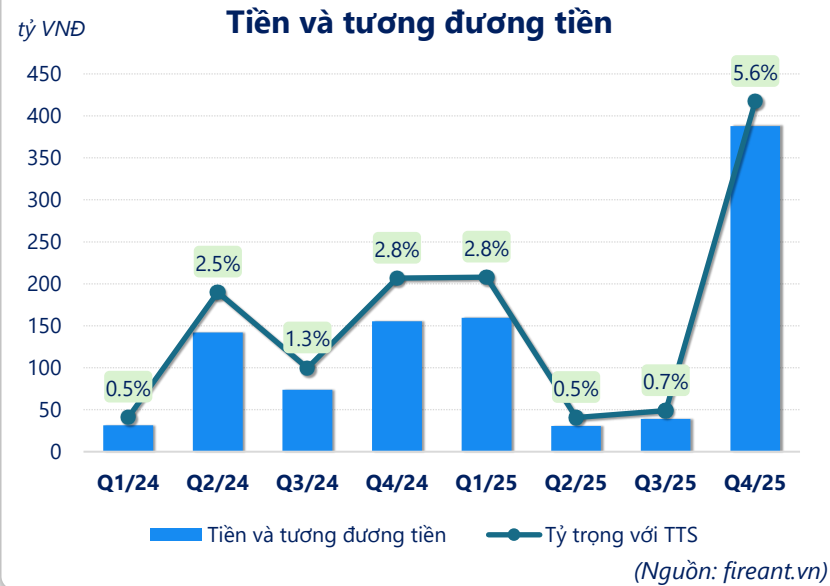
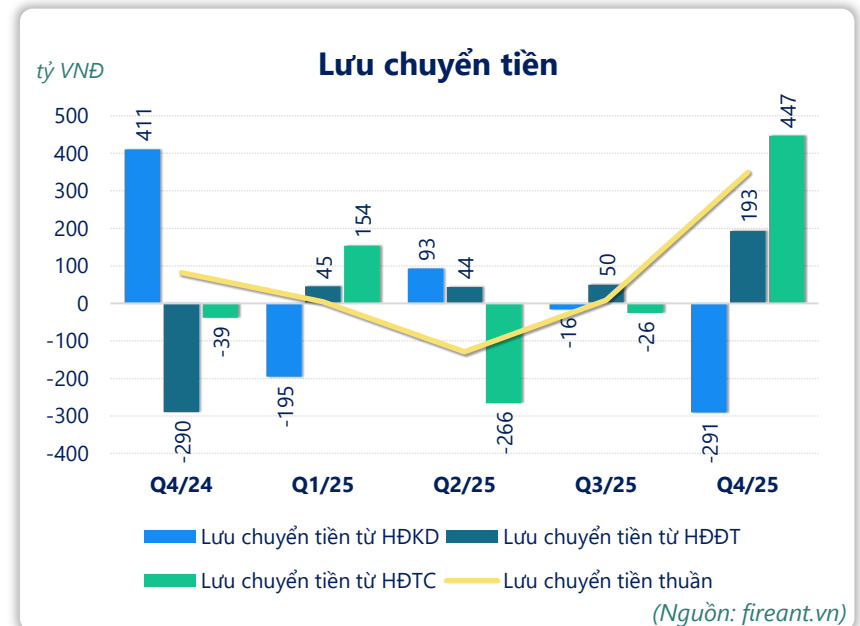
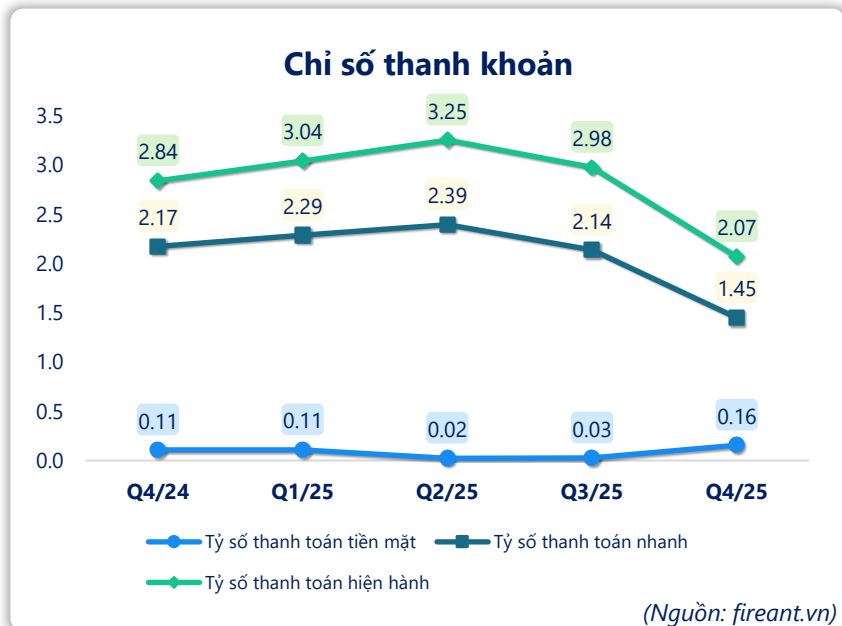
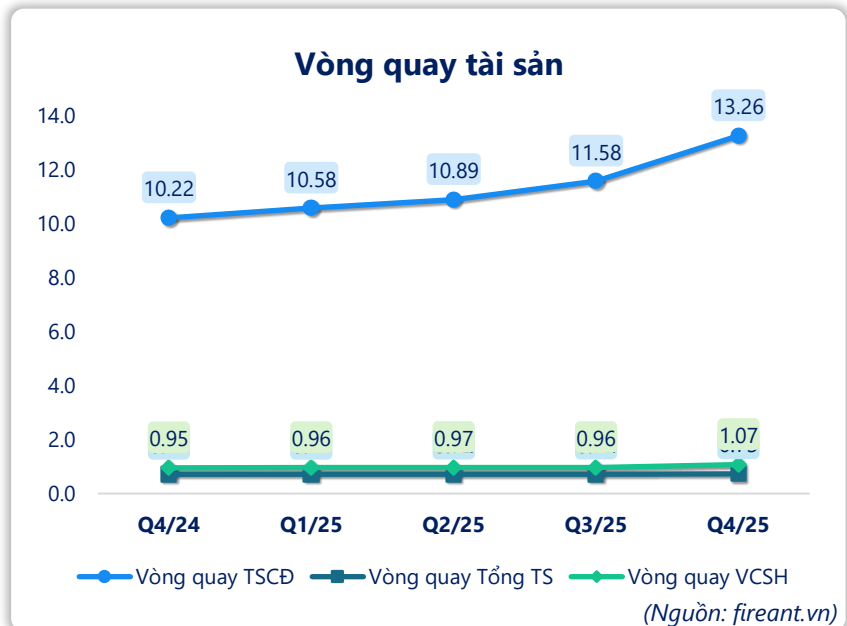
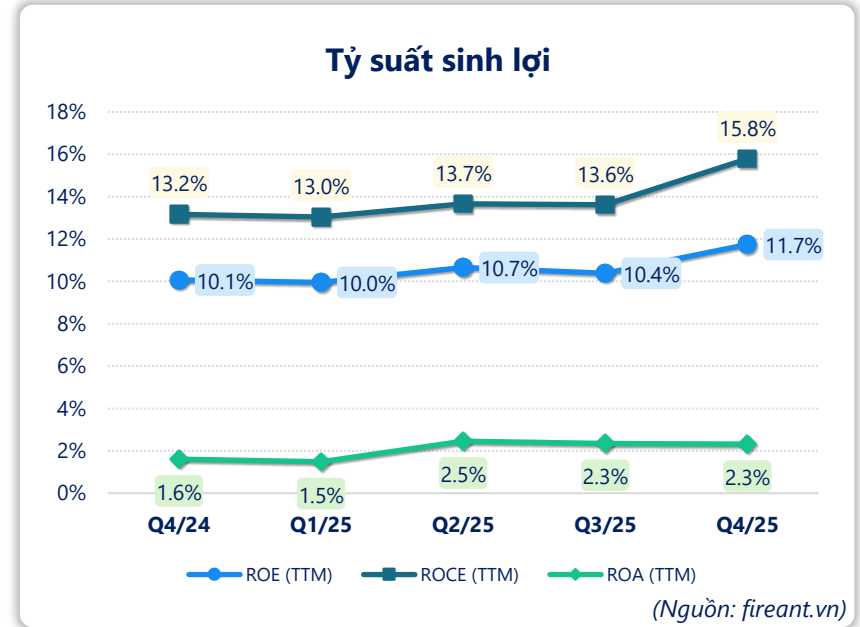
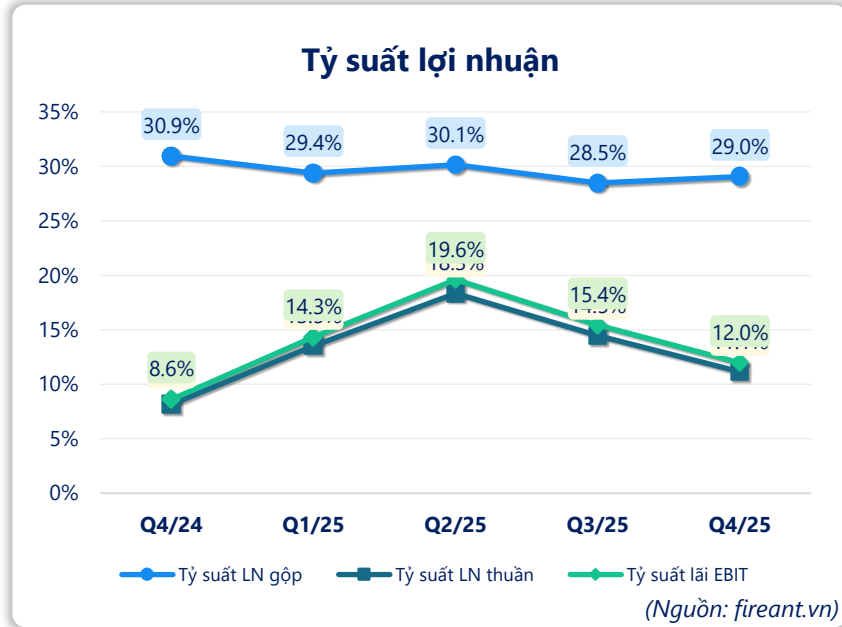
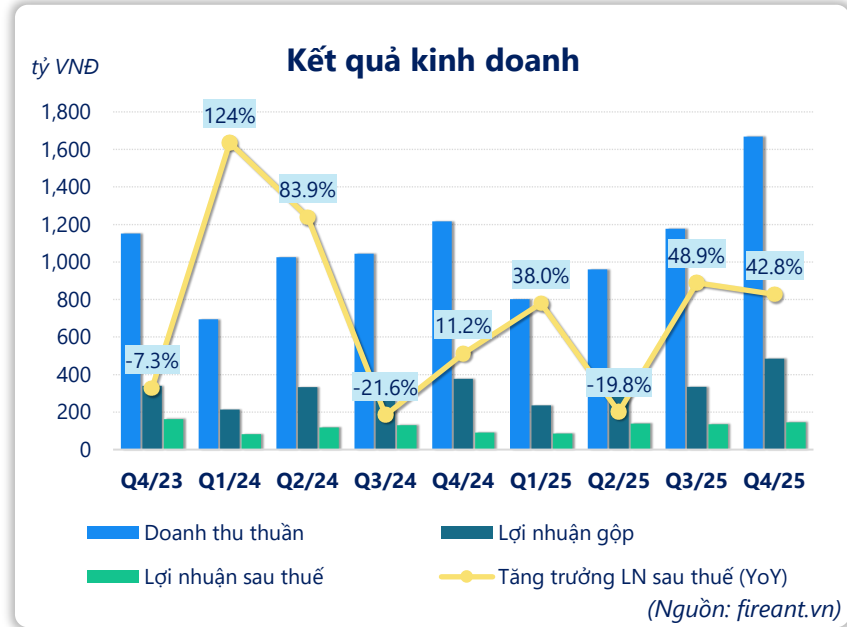


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		35,550
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		39,740
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		32,549
SL cổ phiếu LH		150,787,946
KLGD BQ 20 phiên (CP)		46,175
% sở hữu nước ngoài		38.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		5,361
P/E		10.6
EPS		3,342

	YTD	1T	3T	6T
ACG	-10.5%	1.6%	2.4%	2.1%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,972	5,640	23.6%
Tài sản ngắn hạn	5,150	4,120	25.0%
Tiền và tương đương tiền	388	155	150%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,765	2,048	-13.8%
Phải thu ngắn hạn	1,348	932	44.6%
Hàng tồn kho	1,544	968	59.5%
Tài sản ngắn hạn khác	106	16.7	536%
Tài sản dài hạn	1,822	1,520	19.9%
Phải thu dài hạn	164	146	12.6%
Tài sản cố định	321	374	-14.3%
Bất động sản đầu tư	13.2	0	
Tài sản dở dang	32.9	3.05	978%
Đầu tư tài chính dài hạn	466	780	-40.3%
Tài sản dài hạn khác	825	217	281%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,563	1,464	75.1%
Nợ ngắn hạn	2,489	1,451	71.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,209	728	66.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	819	318	157%
Nợ dài hạn	73.8	12.8	476%
Vay và nợ thuê dài hạn	56.0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,409	4,176	5.6%
Vốn chủ sở hữu	4,409	4,176	5.6%
Vốn điều lệ	1,508	1,508	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,216	802	961	1,177	1,668
Giá vốn hàng bán	840	566	671	842	1,184
Lợi nhuận gộp	376	236	290	335	485
Doanh thu HĐTC	33.6	37.8	74.0	35.1	38.6
Chi phí TC	8.34	9.28	13.7	7.13	14.6
Chi phí lãi vay	5.76	6.17	9.33	7.40	12.6
LN trong công ty LKLD	0.10	0	0.25	1.36	-0.28
Chi phí bán hàng	139	118	132	140	174
Chi phí QLDN	164	37.2	42.0	54.5	148
LN thuần từ HĐKD	99.1	109	176	170	186
Lợi nhuận khác	-0.11	0.29	2.82	3.91	1.05
LN trước thuế	99.0	109	179	174	187
Lợi nhuận sau thuế	90.1	85.0	138	135	146
LNST của CĐ cty mẹ	90.1	85.0	138	135	146

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	411	-195	93.0	-15.7	-291
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-290	45.3	43.6	49.9	193
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-38.7	154	-266	-25.8	447
Tiền đầu kỳ	73.7	155	160	30.5	38.9
Lưu chuyển tiền thuần	81.8	4.24	-129	8.39	349
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.17	-0.04	0.06	0.00	-0.01
Tiền cuối kỳ	155	160	30.5	38.9	388

(Nguồn: fireant.vn)